



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.373	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 1/1
------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A**
Địa chỉ/ Address : **Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh**
Loại mẫu/ Type of sample : **Tiếng ồn & không khí xung quanh**
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : **KX.07124 – Các máy phát điện dự phòng tại khu B (X=1230 425; Y=592 658)**
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : **01/07/2024**
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : **02/07/2024 – 09/07/2024**
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : **Thoáng mát và các hoạt động diễn ra bình thường**
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 27:2010/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	67,8	≤70	-
2	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	TCVN 6963:2001(**)	50,2	-	≤70

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường / Subcontracted test by Environmental research and consulting center.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Dương Huỳnh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.374	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 1/1
------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A**
Địa chỉ/ Address : **Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.**
Loại mẫu/ Type of sample : **Tiếng ồn & không khí xung quanh**
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : **KX.07125 – Các máy phát điện dự phòng tại khu C (X=1230 779; Y=592 601)**
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : **01/07/2024**
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : **02/07/2024 – 09/07/2024**
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : **Thoáng mát và các hoạt động diễn ra bình thường**
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 27:2010/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	68,1	≤70	-
2	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	TCVN 6963:2001(**)	49,6	-	≤70

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường / Subcontracted test by Environmental research and consulting center.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thuyết

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.375	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 1/1
------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method

: CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM

: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM –
KHU A

: Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện
Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

: Nước thải

: NT.07244 – Sau HTXL nước thải công suất 220 m³/ngày đầu nối
hệ thống thu gom KCN (X=1233 465; Y=590 935)

: 01/07/2024

: 02/07/2024 – 09/07/2024

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016,
TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/BTNMT CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,02	5 – 9
2	TDS	mg/L	ĐNHT-N05 ^(*)	291	500
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	KPH (MDL=5)	50
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	27	30
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 ^(*)	67	-
6	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	3,33	5
7	NO ₃ ⁻ N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ ⁻ .E:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,07)	30
8	PO ₄ ³⁻ P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,680	6
9	S ²⁻ H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	1,0
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,5)	10
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6336:1998 ^(*)	0,106	5
12	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	1,4x10 ³	3.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT.7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.376	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 1/1
------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address : Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NT.07245 – Sau HTXL nước thải công suất 280 m³/ngày tại ký túc xá (X=1233 423; Y=589 955)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 01/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 02/07/2024 – 09/07/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/BTNMT CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,91	5 – 9
2	TDS	mg/L	ĐNHT-N05 ^(*)	198	500
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	KPH (MDL=5)	50
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	25	30
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 ^(*)	83	-
6	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	4,31	5
7	NO ₃ ⁻ N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ ⁻ .E:2017 ^(*)	1,15	30
8	PO ₄ ³⁻ P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,914	6
9	S ²⁻ H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	1,0
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,5)	10
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6336:1998 ^(*)	0,086	5
12	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	1,7x10 ³	3.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.377	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 1/2
------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM

: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A

: Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

: Nước thải

: NT.07246 – Hồ ga đầu ra HTXL nước thải tập trung công suất 12.000 m³/ngày.đêm (X=1233 337; Y=589 950)

: 01/07/2024

: 02/07/2024 – 09/07/2024

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

:

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,10	6 – 9
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017 ^(*)	<16,7 ^(a)	50
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	KPH (MDL=5)	50
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	27	30
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 ^(*)	61	75
6	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	0,338	5
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	4
8	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	<6,67 ^(a)	20
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011 ^(*)	KPH (MDL=0,2)	1
10	S ²⁻ _H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	0,2
11	Fe	mg/L	SMEWW 3500Fe.B:2017 ^(*)	0,84	1
12	Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,005)	0,05
13	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,3)	5
14	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	79	3.000
15	Pb	mg/L	SMEWW 3120.B:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,005)	0,1
16	Cu	mg/L	SMEWW 3120.B:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,05)	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.377	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 2/2
------------------	---	-------------------------------

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
17	Zn	mg/L	SMEWW 3120.B:2023(**)	KPH (MDL=0,05)	3
18	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3120.B:2023 & SMEWW 3500 Cr.B:2023(**)	KPH (MDL=0,01)	0,2

Ghi chú/ Note:

(*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3./ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.

(a) Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Dương Hoàng Thành



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.378	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 1/1
------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer	: CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location	: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address	: Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.07247 – Sau HTXL Nước thải công suất 750 m ³ /ngày – Khu B,C (X=1230 756; Y=592 277)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date	: 01/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing	: 02/07/2024 – 09/07/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions	: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
Kết quả thử nghiệm/ Testing results	:

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT B
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,81	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	17	100
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	23	50
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 ^(*)	67	150
5	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	3,85	10
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,954	6
7	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	17,4	40
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	<1,67 ^(a)	-
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	2,2x10 ³	5.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.379	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 1/1
------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address : Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.0769 - Ống khói thoát chung sau 04 HTXL khí thải lò hơi (X=1233 054; Y=590 227)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 01/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 02/07/2024 – 09/07/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT CỘT B
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2 ^(*)	75.836	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5 ^(*)	41,2	200
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	73,2	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	122	500
5	CO	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	105	1.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.380	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page: 1/1
------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address : Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample : Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KT.0770 - Ống thoát khí thải sau HTXL hơi hóa chất (khu vực cân đo, pha trộn hóa chất) (X=1233 405; Y=590 400)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 01/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 02/07/2024 – 09/07/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	1.530	-
2	Benzene	mg/Nm ³	US EPA Method 18	US EPA Method 18(*)	KPH (MDL=1,04)	5
3	Toluene	mg/Nm ³	US EPA Method 18	US EPA Method 18(*)	KPH (MDL=0,63)	750
4	Chlorobenzene	mg/Nm ³	US EPA Method 18	US EPA Method 18(*)	KPH (MDL=1,30)	350

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.381	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page:1/2
------------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM

: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A

: Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

: Bùn

: BT.0703 – Kho bùn khu A (X=1233 266; Y=590 645)

: 01/07/2024

: 02/07/2024 – 09/07/2024

: Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

: TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004

:

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Độ pH (pH chất thải được đo trong nước tại 25°C) ⁽³⁾	-	US EPA Method 9040D(**)	8,50
2	Asen (As)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=0,5)
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	206
6	Coban (Co)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	24,9
7	Niken (Ni)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	20,1
8	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 7471B(**)	KPH (MDL=0,2)
9	Bạc (Ag)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
10	Bari (Ba)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	21,7
11	Selen (Se)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 3050B + EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
12	Tổng cyanua (CN ⁻)	mg/kg	US EPA method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014(**)	KPH (MDL=5,0)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ✦

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.381	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page:2/2
------------------	---	------------------------------

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
13	Crôm VI (Cr^{6+})	mg/kg	US EPA Method 3060A + US EPA Method 3500Cr.B:2023(**)	KPH (MDL=1,0)
14	Tổng dầu	mg/kg	US EPA Method 9071B(**)	$16,0 \times 10^3$
15	Phenol	mg/kg	US EPA Method 8041A(**)	KPH (MDL=10)
16	Benzen	mg/kg	US EPA SW 846 Method 5021A(**)	KPH (MDL=1,0)
17	Toluene	mg/kg	US EPA SW 846 Method 5021A(**)	KPH (MDL=1,0)
18	Naphthalene	mg/kg	US EPA SW 846 Method 5021A(**)	KPH (MDL=1,0)
19	Clobenzene	mg/kg	US EPA SW 846 Method 5021A(**)	KPH (MDL=1,0)

Ghi chú/ Note:

(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3./ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.

(3): Mẫu được khuấy trộn trong nước theo tỷ lệ mẫu/nước (20g/20mL) theo yêu cầu phương pháp thử US EPA Method 9045D.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Dương Hoàng Thành



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.382	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	10/07/2024 Trang/Page:1/1
------------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A
Địa chỉ/ Address : Lô 3416 đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Loại mẫu/ Type of sample : Chất thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : CTR.0702 – Xi than tại lò hơi khu A (X=1233 135; Y=590 278)
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 01/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 02/07/2024 – 09/07/2024
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 9466:2017, TCVN 12058:2017
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
2	Bạc (Ag)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=0,2)
4	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	11,7
5	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
6	Coban (Co)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	<3,0
7	Niken (Ni)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	<3,0
8	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA SW 846 Method 7471B(**)	KPH (MDL=0,4)
9	Bari (Ba)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
10	Selen (Se)	mg/kg	US EPA Method 200.7(**)	KPH (MDL=1,0)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/kg	US EPA Method 3060A + SMEWW 3500 Cr.B:2023(**)	KPH (MDL=1,0)

Ghi chú/ Note:

(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3./ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn